

BỘ CÔNG NGHIỆP

THÔNG TƯ số 3/1998/TT-BCN ngày 20-3-1998 hướng dẫn việc nhập khẩu hóa chất năm 1998 theo Quyết định số 11/1998/QĐ-TTg ngày 23-1-1998 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Nghị định số 74-CP ngày 1-11-1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 11/1998/QĐ-TTg ngày 23-1-1998 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế điều hành xuất nhập khẩu năm 1998;

Căn cứ tình hình thực tế về nhu cầu sử dụng các loại hóa chất, số lượng nhập khẩu năm 1997 và khả năng sản xuất trong nước năm 1998;

Bộ Công nghiệp hướng dẫn việc nhập khẩu hóa chất năm 1998 như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình sản xuất, kinh doanh không phân biệt thành phần kinh tế, có đủ những điều kiện sau đây đều được phép nhập khẩu hóa chất (trừ hóa chất nêu trong Phụ lục 1) theo nhu cầu và hợp đồng kinh tế:

- Có quyết định thành lập doanh nghiệp theo đúng những quy định của Chính phủ; có ngành nghề sản xuất, kinh doanh hóa chất hoặc có nhu cầu thực tế sử dụng hóa chất trong sản xuất, nghiên cứu;

- Có giấy phép đăng ký kinh doanh xuất nhập khẩu ngành hàng phù hợp.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Các đơn vị có đủ điều kiện nêu tại điểm I đều được phép nhập khẩu các loại hóa chất bao

gồm hóa chất kỹ thuật và hóa chất tinh khiết (trừ những loại nêu trong các Phụ lục 1 và 2) theo nhu cầu sử dụng và khả năng kinh doanh.

2. Hóa chất trung gian sản xuất hóa chất độc (không thuộc Danh mục cấm nhập khẩu - Phụ lục 1) nhập đáp ứng nhu cầu sử dụng như một nguyên liệu hoặc một chất xúc tác, chất thử trong quy trình sản xuất, nghiên cứu, thí nghiệm phải được Bộ Công nghiệp xem xét, cho phép từng trường hợp cụ thể (Danh mục hóa chất trung gian sản xuất hóa chất độc - Phụ lục 2).

3. Để khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước huy động được năng lực sản xuất đã đầu tư, đổi mới công nghệ, sản xuất hóa chất thông dụng có chất lượng tương đương hàng nhập khẩu, góp phần giảm chi phí ngoại tệ, không nhập khẩu các loại hóa chất thông dụng trong nước sản xuất đã đáp ứng nhu cầu (Danh mục hóa chất thông dụng không nhập khẩu - Phụ lục 1).

4. Những loại hóa chất trong nước có khả năng sản xuất đáp ứng cơ bản nhu cầu về số lượng và chất lượng sẽ chỉ nhập khẩu bổ sung những chủng loại, quy cách trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất chưa đủ phải có ý kiến của Bộ Công nghiệp để cân đối giữa sản xuất và nhu cầu trong nước (Danh mục hóa chất thông dụng - Phụ lục 2).

5. Nhập khẩu các hóa chất là nguyên liệu sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, các loại thuốc bảo vệ thực vật hóa chất phải tuân theo Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật công bố ngày 15 tháng 2 năm 1993 và các hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Các hóa chất là chất gây nghiện, chất hướng tâm thần và tiền chất sử dụng trong lĩnh vực y tế, bào chế dược phẩm cần nhập khẩu phải có giấy phép của Bộ Y tế theo Nghị định số 89-CP ngày 15-12-1995.

7. Cơ quan, doanh nghiệp nhập khẩu những hóa chất nêu tại Phụ lục 2 phải có văn bản theo mẫu (Phụ lục 3*) gửi Bộ Công nghiệp xem xét.

* Không in Phụ lục 3

Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Công nghiệp có công văn trả lời đơn vị nhập khẩu. Căn cứ ý kiến của Bộ Công nghiệp, cơ quan Hải quan giải quyết thủ tục nhập khẩu. Đối với các loại hóa chất khác không nằm trong Phụ lục 1 và Phụ lục 2, các cơ quan, doanh nghiệp trực tiếp với cơ quan Hải quan làm thủ tục nhập khẩu.

8. Tùy theo tính chất hóa, lý riêng, các loại hóa chất nhập khẩu phải có bao bì, đóng gói bảo đảm tiêu chuẩn an toàn khi vận chuyển và sử dụng theo những quy định hiện hành của Chính phủ.

9. Cơ quan, doanh nghiệp nhập khẩu chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng hóa chất nhập khẩu theo đúng mục đích nhập khẩu và theo các quy định có liên quan của Chính phủ.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 4 năm 1998 đến ngày 31 tháng 3 năm 1999.

Đối với những lô hàng hóa chất nhập khẩu đã được Bộ Công nghiệp có văn bản xác nhận trước thời điểm có hiệu lực của Thông tư này, cho phép tiếp tục thực hiện.

Bộ Công nghiệp đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan trung ương của các đoàn thể thông báo nội dung Thông tư này cho các doanh nghiệp thuộc quyền quản lý của mình biết và thực hiện, đồng thời phản ánh cho Bộ Công nghiệp những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện để kịp điều chỉnh cho phù hợp.

K.T. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp
Thủ trưởng

LÊ HUY CÔN

DANH MỤC hóa chất không nhập khẩu trong năm 1998

(ban hành kèm theo Thông tư số 3/1998/TT-BCN ngày 20-3-1998 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp).

I. DANH MỤC HÓA CHẤT ĐỘC CẤM NHẬP KHẨU:

1. O - alkyl (< C10 gồm cả cycloalkyl) alkyl (Me, Ethyl, n-propyl hay isopropyl) phosphono- fluoride;
2. O - alkyl (< C10 gồm cả cycloalkyl) N-N dialkyl (Me, Ethyl, n- propyl hay isopropyl) phosphoramidocyanide;
3. O - alkyl (H hay < C10 gồm cả cyclo alkyl) S-dialkyl (Me, Ethyl, n-propyl hay isopropyl) amino ethyl alkyl (Me, Ethyl, n-propyl hay isopropyl) phosphonothiolat và tương ứng với muối alkyl hay protonat;
4. Mustard Sulfure :
 - 2-Chloro ethyl : chloromethyl sulfid,
 - Mustard gas : Bis (2-chloroethyl) sulfid,
 - Bis (2 - chloroethyl thio) methan,
 - Sesqui mustard : 1-2 Bis (2-chloroethyl thio) ethan,
 - 1-3 Bis (2-chloroethyl thio) n-propan,
 - 1-4 Bis (1-chloroethyl thio) n-butan,
 - 1-5 Bis (2-chloroethyl thio) n-pentan,
 - Bis (2-chloroethyl theomethyl) ether,
 - O-mustard: Bis (2-chloroethyl thio ethyl) ether;
5. Các chất Lewisite :
 - Lewisite.1 : (2 chlorovinyl) dichloro arsine,
 - Lewisite.2 : Bis (2 chlorovinyl) chloro arsine,
 - Lewisite.3 : Tris (2 chlorovinyl) arsine;
6. Nhóm mustard amine :
 - HN1 : Bis (2 chloroethyl) ethyl amin,
 - HN2 : Bis (2 chloroethyl) methyl amin,
 - HN3 : Tris (2 chloroethyl) amin ;
7. Saxitoxin;
8. Risin;
9. Alkyl (Me, ethyl, n-propyl hay isopropyl) phosphonyl difluoris;

10. O- Alkyl (H hay < C10 gồm cả cyoalkyl) O-2 dialkyl:
 - (Me, Ethyl, n-propyl hay isopropyl) aminoalkyl,
 - (Me, Ethyl, n- propyl hay isopropyl) phosphonit và tương ứng với muối alkyl hóa hay protonat;
11. Chlorosarin : O-isopropyl methyl phosphono chlorid;
12. Chlorosaman : Opinacolyl metyl phosphono chlorid;
13. Amiton : O - O diethyl S [2 (diethylamino) ethyl] phosphoro thiolat;
14. PFIB . 1; 1,3; 3,3; pentafluoro (2 trifloromethyl) propen;
15. BZ3 : Quinuchdinyl benzilat;
16. Methyl phosphonyl dichlorid (Dimetyl : methyl phosphonat);
17. N-N dialkyl (Me, Ethyl, n-propyl hay isopropyl) phosphora - midiodihalit;
18. Dialkyl :
 - (Me, Ethyl, n-propyl hay isopropyl) N-N dialkyl,
 - (Me, Ethyl, n-propyl hay isopropyl) phosphoramid;
19. Quinuchdinyl 3 - G1;
20. N-N Dialkyl (Me, Ethyl, n-propyl hay isopropyl) amino ethyl 2 chlorid;
21. N-N Dialkyl (Me, Ethyl, n-propyl hay isopropyl) aminoethan 2- ols;
22. N-N Dialkyl (Me, Ethyl, n-propyl hay isopropyl) aminoethan 2 thiols;
23. Thiodiglicol : Bis (2 hydroxy ethyl) sulfit;
24. Pinacolyl, alcohol : 3,3 dimethyl butan-2 ol;
25. Phosgene : Carbonyl dichlorid;
26. Cyanogen chlorid;
27. Chloropycrin : Trichloro nitromethan;
28. Phosphorus oxychloric.

II. DANH MỤC HÓA CHẤT THÔNG DỤNG KHÔNG NHẬP KHẨU:

1. Acide Phosphoric (H_3PO_4);
2. Acide Clohydric (HCl);
3. Acide Sunfuaric kỹ thuật (H_2SO_4);
4. Amoniac lỏng (NH_3);
5. Ôxy lỏng bình;
6. Clo lỏng;
7. Xút lỏng (NaOH);
8. Noiacetylene (C_2H_2);
9. Than hoạt tính (C).

DANH MỤC hóa chất nhập khẩu năm 1998 phải có ý kiến của Bộ Công nghiệp

(ban hành kèm theo Thông tư số 3 / 1998 TT-BCN ngày 20-3-1998 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp).

I. DANH MỤC HÓA CHẤT TRUNG GIAN SẢN XUẤT HÓA CHẤT ĐỘC:

1. Thủy ngân và các hợp chất chứa thủy ngân;
2. Phosphor vàng nguyên tố;
3. Phosphorua trichloride;
4. Phosphorua pentachloride;
5. Tri (Metyl, Etyl) phosphite;
6. Dimetyl phosphite;
7. Sulfur dichloride;
8. Sulfur monochloride;
9. Thionyl chloride;
10. (Metyl, Etyl) diethanolamine;
11. Triethanolamine;
12. Sulfurcarbone;
13. Vinyl chloride;

14. Dichlorua ethane;
15. Asen và các hợp chất của asen;
16. Các hợp chất cyanua;
17. Các hydrua kim loại;
18. Các oxide và peroxide của halogene;
19. Các hợp chất azit;
20. Các loại ester, eter oxide, aldehyt.

II. DANH MỤC HÓA CHẤT THÔNG DỤNG:

1. Xút rắn (cục, vảy);
2. Carbonat canxi không tẩm axit béo hoặc các phối liệu khác;
3. Phèn các loại;
4. Acide H₂SO₄ tinh khiết (P, PA).

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

THÔNG TƯ số 2/1998/TT-BKH ngày 16-3-1998 hướng dẫn trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo Nghị định số 7/1998/NĐ-CP ngày 15-1-1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi).

Thi hành Khoản 3, Điều 41 Nghị định số 7/1998/NĐ-CP ngày 15-1-1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) (sau đây gọi tắt là Nghị định số 7/1998/NĐ-CP), Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư như sau:

I. HỒ SƠ XIN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ VÀ CƠ QUAN TIẾP NHẬN HỒ SƠ

Để được cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, các đối tượng áp dụng Luật Khuyến khích đầu tư trong nước quy định tại Khoản 1, 3, 4, 5, Điều 3, Nghị định số 7/1998/NĐ-CP gửi hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định dưới đây:

1. Dự án đầu tư của các cơ sở sản xuất, kinh doanh hiện có.

1.1. Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư:

- Đơn xin cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư;
- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp nhà nước, công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hoặc Giấy phép kinh doanh đối với cá nhân, nhóm kinh doanh hoạt động theo Nghị định số 66-HĐBT ngày 2-3-1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ);
- Dự án đầu tư;
- Bản sao hợp lệ Quyết định đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 7 Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng (ban hành kèm theo Nghị định số 42-CP ngày 16-7-1996 của Chính phủ) và một số điều khoản sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 42-CP ngày 16-7-1996 của Chính phủ (ban hành kèm theo Nghị định số 92-CP ngày 23-8-1997 của Chính phủ).

1.2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ:

1.2.1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của các tổ chức chính trị - xã hội, Hội nghề nghiệp do:

- Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập;
- Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền hoặc được phân cấp quyết định thành lập.